

THÔNG BÁO

Về việc xác định ngưỡng điểm trúng tuyển (điểm chuẩn) vào các hình thức xét tuyển trình độ đại học năm 2025

Căn cứ Thông tư 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/06/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non;

Căn cứ Thông tư 06/2025/TT-BGDĐT ngày 19/3/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 06 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ quyết định số 678/QĐ-BGDĐT ngày 14/03/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chuẩn chương trình đào tạo lĩnh vực Pháp luật trình độ đại học.

Căn cứ Quyết định số 2100/QĐ-BGDĐT ngày 21/7/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc xác định ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào đối với nhóm ngành sức khỏe có cấp chứng chỉ hành nghề trình độ đại học năm 2025;

Căn cứ Thông tin tuyển sinh năm 2025 của Nhà trường;

Căn cứ Biên bản họp số 446/BB-ĐHPT ngày 15/7/2025 của Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh về việc xác định ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào các hình thức xét tuyển trình độ đại học năm 2025 của trường Đại học Phan Thiết;

Căn cứ Quyết định số 356/QĐ-ĐHPT ngày 22/7/2025 của Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh về việc xác định ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào các hình thức xét tuyển trình độ đại học năm 2025 của trường Đại học Phan Thiết.

Trường Đại học Phan Thiết thông báo ngưỡng điểm trúng tuyển (điểm chuẩn) vào các hình thức xét tuyển trình độ đại học năm 2025 như sau:

TT	Mã ngành	Tên ngành	Tổ hợp môn xét tuyển	Ngưỡng điểm trúng tuyển (Điểm chuẩn)		
				Xét tuyển học bạ THPT	Xét điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2025	Xét điểm thi ĐGNL của ĐHQG TP. HCM năm 2025
1	7480201	Công nghệ thông tin	A00: Toán, Vật lí, Hóa học A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh	15	15	500

			C01: Toán, Vật lý, Ngữ văn D01: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh D10: Toán, Địa lý, Tiếng Anh D07: Toán, Hóa học, Tiếng Anh D90: Toán, Khoa học tự nhiên, Tiếng Anh X25: Toán, Giáo dục Kinh tế và pháp luật, Tiếng Anh HB1: (trung bình cả năm lớp 12) x3			
2	7340301	Kế toán	A00: Toán, Vật lý, Hóa học A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh C01: Toán, Vật lý, Ngữ văn D01: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh D07: Toán, Hóa học, Tiếng Anh X01: Toán, Ngữ văn, Giáo dục Kinh tế và pháp luật HB1: (trung bình cả năm lớp 12) x3	15	15	500
3	7340101	Quản trị kinh doanh	A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh C00: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý C04: Toán, Ngữ văn, Địa lý D01: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh D07: Toán, Hóa học, Tiếng Anh D10: Toán, Địa lý, Tiếng Anh X78: Ngữ văn, Giáo dục Kinh tế và pháp luật, Tiếng Anh HB1: (trung bình cả năm lớp 12) x3	15	15	500
4	7340201	Tài chính - Ngân hàng	A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh C01: Toán, Vật lý, Ngữ văn C04: Toán, Ngữ văn, Địa lý D01: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh D07: Toán, Hóa học, Tiếng Anh D10: Toán, Địa lý, Tiếng Anh X01: Toán, Ngữ văn, Giáo dục Kinh tế và pháp luật HB1: (trung bình cả năm lớp 12) x3	15	15	500
5	7810201	Quản trị khách sạn	C00: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý C04: Toán, Ngữ văn, Địa lý D01: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh D10: Toán, Địa lý, Tiếng Anh D14: Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh	15	15	500

7/1/20

			D15: Ngữ văn, Địa lí, Tiếng Anh X78: Ngữ văn, Giáo dục Kinh tế và pháp luật, Tiếng Anh HB1: (trung bình cả năm lớp 12) x3			
6	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	C00: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý C04: Toán, Ngữ văn, Địa lý D01: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh D08: Toán, Sinh học, Tiếng Anh D10: Toán, Địa lí, Tiếng Anh D14: Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh D15: Ngữ văn, Địa lí, Tiếng Anh HB1: (trung bình cả năm lớp 12) x3	15	15	500
7	7380107	Luật kinh tế	C00: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý D01: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh D14: Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh D15: Ngữ văn, Địa lí, Tiếng Anh X01: Toán, Ngữ văn, Giáo dục Kinh tế và pháp luật X25: Toán, Giáo dục Kinh tế và pháp luật, Tiếng Anh X78: Ngữ văn, Giáo dục Kinh tế và pháp luật, Tiếng Anh HB1: (trung bình cả năm lớp 12) x3	18 (Toán hoặc Ngữ văn từ 6.0 trở lên)	18 (Toán hoặc Ngữ văn từ 6.0 trở lên)	550
8	7220201	Ngôn ngữ Anh	D01: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh D14: Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh D15: Ngữ văn, Địa lí, Tiếng Anh D90: Toán, Khoa học tự nhiên, Tiếng Anh X25: Toán, Giáo dục Kinh tế và pháp luật, Tiếng Anh X78: Ngữ văn, Giáo dục Kinh tế và pháp luật, Tiếng Anh HB1: (trung bình cả năm lớp 12) x3	15	15	500
9	7510605	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	A00: Toán, Vật lí, Hóa học A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh C01: Toán, Vật lý, Ngữ văn C04: Toán, Ngữ văn, Địa lý D01: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh	15	15	500



Handwritten signature

			D07: Toán, Hóa học, Tiếng Anh X25: Toán, Giáo dục Kinh tế và pháp luật, Tiếng Anh X78: Ngữ văn, Giáo dục Kinh tế và pháp luật, Tiếng Anh HB1: (trung bình cả năm lớp 12) x3			
10	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	C00: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý C04: Toán, Ngữ văn, Địa lý D01: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh D10: Toán, Địa lý, Tiếng Anh D14: Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh D15: Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Anh X78: Ngữ văn, Giáo dục Kinh tế và pháp luật, Tiếng Anh HB1: (trung bình cả năm lớp 12) x3	15	15	500
11	7580201	Kỹ thuật xây dựng	A00: Toán, Vật lý, Hóa học A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh A04: Toán, Vật lý, Địa lý C01: Toán, Vật lý, Ngữ văn D01: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh D07: Toán, Hóa học, Tiếng Anh HB1: (trung bình cả năm lớp 12) x3	15	15	500
12	7380101	Luật	C00: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý D01: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh D14: Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh D15: Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Anh X01: Toán, Ngữ văn, Giáo dục Kinh tế và pháp luật X25: Toán, Giáo dục Kinh tế và pháp luật, Tiếng Anh X78: Ngữ văn, Giáo dục Kinh tế và pháp luật, Tiếng Anh HB1: (trung bình cả năm lớp 12) x3	18 (Toán hoặc Ngữ văn từ 6.0 trở lên)	18 (Toán hoặc Ngữ văn từ 6.0 trở lên)	550
13	7520130	Kỹ thuật ô tô	A00: Toán, Vật lý, Hóa học A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh A04: Toán, Vật lý, Địa lý C01: Toán, Vật lý, Ngữ văn D01: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh D07: Toán, Hóa học, Tiếng Anh	15	15	500

			HB1: (trung bình cả năm lớp 12) x3			
14	7520103	Kỹ thuật cơ khí	A00: Toán, Vật lý, Hóa học A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh A04: Toán, Vật lý, Địa lý C01: Toán, Vật lý, Ngữ văn D01: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh D07: Toán, Hóa học, Tiếng Anh HB1: (trung bình cả năm lớp 12) x3	15	15	500
15	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học	B00: Toán, Hóa học, Sinh học D07: Toán, Hóa học, Tiếng Anh D08: Toán, Sinh học, Tiếng Anh HB1: (trung bình cả năm lớp 12) x3	19 (học lực cả năm lớp 12 đạt loại khá trở lên)	17 (đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào đối với nhóm ngành sức khỏe của Bộ Giáo dục và Đào tạo)	550 (đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào đối với nhóm ngành sức khỏe của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Nơi nhận

- HĐT, BGH (để báo cáo);
- HĐTS (để thực hiện);
- Lưu: VT, HĐTS, P.QLĐT.

**HIỆU TRƯỞNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH**



PGS.TS. Võ Khắc Thường